

**MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM
MÔN NGỮ VĂN 8-HỌC KÌ 2**

Học kĩ các nội dung đã hướng dẫn ở tập, kể cả Ngữ văn địa phương

Xem kĩ lại các tài liệu ôn tập đã gửi

Thực hành lại các bài tập Tiếng Việt, Làm văn đã hướng dẫn ở SGK

PHẦN I: VĂN BẢN: học kĩ phần II-Đọc hiểu văn bản các ghi nhớ ở SGK

A. VĂN BẢN THƠ:

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Nhớ rừng	Thế Lữ	8 chữ-Tự do	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại, tầm thường tù túng và khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy.	Bút pháp lãng mạn rất truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, nhịp điệu, phép tương phản đối lập. Nghệ thuật tạo hình đặc sắc.
2	Quê hương	Tế Hanh	8 chữ-Tự do	Tình yêu quê hương trong sáng được thể hiện qua bức tranh tươi sáng sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khoẻ khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt làng chài	Lời thơ bình dị, hình ảnh thơ mộc mạc mà tinh tế lại giàu ý nghĩa biểu trưng (cánh buồm, hồn làng, thân hình nông thờ vị xa xăm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ)
3	Khi con tu hú	Tố Hữu	Lục bát	Tình yêu cuộc sống và khát vọng tự do của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong nhà tù	Giọng thơ da diết sôi nổi, tưởng tượng phong phú.
4	Tức cảnh Pác Bó	Hồ Chí Minh 1890-1969	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng và sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.	Giọng thơ hóm hỉnh, nụ cười vui (văn sẵn sàng, thật là sang), từ láy miêu tả: chông chênh; Vừa cổ điển vừa hiện đại.
5	Ngắm trăng (Vọng nguyệt) trích NKTT	Hồ Chí Minh 1890-1969	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	Tình yêu thiên nhiên, yêu trăng đến say mê và phong thái ung dung nghệ sĩ của Bác Hồ ngay trong cảnh tù ngục cực khổ tối tăm	Nhân hoá, điệp từ, câu hỏi tu từ, đối
6	Đi đường	Hồ Chí Minh	Thất	ý nghĩa tượng trưng và	Điệp từ (tẩu lộ,

(Tầu lộ) trích NKTT	Minh 1890-1969	ngôn tứ tuyệt Đường luật (dịch lục bát)	triết lí sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lí đường đời: Vượt qua gian lao chông chát sẽ tới thắng lợi vẻ vang	trùng san), tính đa nghĩa của hình ảnh, câu thơ, bài thơ
---------------------	----------------	---	--	--

B. VĂN BẢN: NGHỊ LUẬN

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung, tư tưởng	Giá trị nghệ thuật	Ghi chú
1	Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu) 1010	Lí Công Uẩn (Lí Thái Tổ)	Chiếu - Chữ Hán Nghị luận trung đại	Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.	Kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục, hài hoà giữa lí và tình: trên vâng mệnh trời dưới theo ý dân	Vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho quan dân
2	Hịch tướng sĩ (Dụ chư tì tướng hịch văn) 1285	Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn	Hịch Chữ Hán Nghị luận trung đại	Tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược (TK XIII), thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến quyết thắng, trên cơ sở đó tác giả phê phán những suy nghĩ sai lệch của các tì tướng, khuyên bảo họ phải ra sức học tập binh thư, rèn quân chuẩn bị chiến đấu chống giặc. Bùng bùng hào khí Đông A	văn chính luận xuất sắc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn, đanh thép, nhiệt huyết, chứa chan, tình cảm thống thiết, rung động lòng người sâu xa; đánh vào lòng người, lời hịch trở thành mệnh lệnh của lương tâm, người nghe được sáng trí, sáng lòng	Quan hệ thân- chủ vừa nghiêm khắc vừa bao dung, vừa tâm sự vừa phê phán, vừa khuyên răn, khơi dậy lương tâm danh dự.
3	Nước Đại Việt ta (Trích Bình Ngô Đại cáo) 1428	Nguyễn Trãi (1380-1442)	Cáo Chữ Hán Nghị luận trung đại	ý thức dân tộc và chủ quyền đã phát triển tới trình độ cao, ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử, hào kiệt. Kẻ xâm lược phản nhân nghĩa, nhất định sẽ thất bại.	Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, xác thực, ý tứ rõ ràng, sáng sủa và hàm súc, kết tinh cao độ tinh thần và ý thức dân tộc trong thời kì lịch sử dân tộc thật sự lớn mạnh; đặt tiền đề, cơ sở lí luận cho toàn bài; xứng đáng là áng thiên cổ hùng văn	Nguyễn Trãi thay lời vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) viết để công bố cho toàn dân biết sự kiện lịch sử trọng đại.

4	Bàn luận về phép học (Luận pháp học; 1971)	La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp 1723-1804	Tấu Chử Hán Nghi luận trung đại	Quan niệm tiên bộ của tác giả về mục đích và tác dụng của việc học tập: Học để làm người có đạo đức, có tri thức góp phần làm hưng thịnh đất nước. Muốn học tốt phải có phương pháp, phải theo điều học mà làm (hành)	Lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng: sau khi phê phán những biểu hiện sai trái, lệch lạc trong việc học, tác giả khẳng định quan điểm và phương pháp học tập đúng đắn.	Tấu (khải, sớ): văn bản của quan, tướng, dân... viết đệ trình lên vua chúa.
5	Thuế máu (Trích chương I, Bản án chế độ thực dân Pháp) 1925	Nguyễn Ái Quốc 1890-1969	Nghi luận hiện đại	Bộ mặt giả nhân giả nghĩa, thủ đoạn tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa nghèo khổ làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa, tàn khốc (1914-1918)	Tư liệu phong phú, xác thực, tính chiến đấu rất cao, nghệ thuật trào phúng sắc sảo và hiện đại: mâu thuẫn trào phúng, giọng điệu giễu nhại .	Lần đầu tiên trên thế giới, chế độ thuộc địa bị kết án một cách có hệ thống cụ thể và chính xác
6	Đi bộ ngao du (Trích Ê-min hay về giáo dục) 1762	J. Ru xô (1712-1778)	Nghi luận nước ngoài (Chữ Pháp)	Đi bộ ngao du tốt hơn đi ngựa. Đi bộ ngao du ích lợi nhiều mặt. Tác giả là một con người giản dị, rất quý trọng tự do và rất yêu thiên nhiên	Lí lẽ và dẫn chứng được rút từ ngay kinh nghiệm và cuộc sống của nhân vật, từ thực tiễn sinh động, thay đổi các đại từ nhân xưng một cách linh hoạt sinh động.	Nghi luận trong tiểu thuyết ; Thấy được bóng dáng tinh thần tác giả.
Văn bản kịch	Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục	Mô-li-e	Hài kịch hiện đại	Tác giả phê phán thói học làm sang của tầng lớp trưởng giả	Khắc họa tài tình tính cách của nhân vật qua lời nói, hành động Mâu thuẫn kịch tạo tiếng cười	

C. Bảng so sánh phân biệt nghị luận trung đại và nghị luận hiện đại:

Nghị luận trung đại	Nghị luận hiện đại
<ul style="list-style-type: none"> - Văn sử triết bất phân - Khuôn vào những thể loại riêng: <i>chiếu, hịch, cáo, tấu..với kết cấu, bố cục riêng.</i> - In đậm thế giới quan của con người trung đại: <i>tư tưởng mệnh trời, thần - chủ; tâm lí sùng cổ.</i> - Dùng nhiều điển tích, điển cố, hình ảnh ước lệ, câu văn biến ngẫu nhịp nhàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có những đặc điểm trên - Sử dụng trong nhiều thể loại văn xuôi hiện đại: Tiểu thuyết luận đề, phóng sự- chính luận, tuyên ngôn.... - Cách viết giản dị, câu văn gắn lời nói thường, gắn với đời sống thực.

MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý

1/ Nhớ rừng

Câu 1: Bài thơ là lời của ai? Việc mượn lời như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 2: Đoạn 3 của bài thơ được xem như một bộ tranh tứ bình đẹp. Em hãy chứng minh.

2- Ông đồ:

Câu 1: Hình ảnh ông đồ được thể hiện như thế nào trong bài thơ?

Câu 2: Phân tích để là rõ cái hay trong những câu thơ sau:

-Giấy đỏ buồn không thấm

Mực đọng trong nghiên sâu

-Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay

Câu 3: Em có nhận xét gì về cách mở đầu và kết thúc bài thơ.

Câu 4: Những câu thơ nào thể hiện nỗi niềm của tác giả?

3- Quê hương:

Bài thơ quê hương là một bức tranh mang vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một làng quê miền biển. Em hãy chứng minh.

4- Khi con tu hú:

Câu 1: Hoàn cảnh sáng tác bài thơ là gì?

Câu 2: Cảnh đất trời vào hè trong tâm tưởng người tù cách mạng được thể hiện qua những câu thơ nào? Cảm nhận của em về những câu thơ đó.

Câu 3: Phân tích tâm trạng của người tù cách mạng.

5- Chùm thơ của Hồ Chí Minh:

Câu 1: Tình yêu thiên nhiên của Bác trong các bài thơ đã học ở chương trình NV 8.

Câu 2: Cái “sang” của cuộc đời cách mạng trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”.

Câu 3: Bài học của em từ bài thơ “Đi đường” của Hồ Chí Minh.

6- Chiều đời đô:

Câu 1: Hãy nêu đặc điểm của thể Chiều

Câu 2: Vì sao nói văn bản "Chiều đời đô" phản ánh ý chí tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc?

7- Hịch tướng sỹ:

Câu 1: Hãy nêu đặc điểm của thể Hịch

Câu 2: Nỗi lòng của người chủ tướng được thể hiện đoạn văn nào? Em hãy phân tích đoạn văn đó.

8- Nước Đại Việt ta:

Câu 1: Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

Câu 2: Vì sao nói đây là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc?

9- Bàn luận về phép học:

* Tác giả bàn như thế nào về cách học?

10- Thuế máu:

Câu 1: Em hãy hình dung ra số phận bi thảm của những người bị bóc lột "thuế máu" theo trình tự miêu tả của tác giả.

Câu 2: Em hãy tìm hiểu tâm lòng của tác giả qua đoạn trích ?

MỘT SỐ GỢI Ý:

A-Phần I: Văn học:

1- Nhớ rừng:

Câu 1: Là lời con hổ trong vườn bách thú. Tác giả mượn lời như vậy để tiện nói lên một cách đầy đủ, sâu sắc tâm sự y uất của một lớp người lúc bấy giờ. Đó là những thanh niên trí thức “tây học” vừa thức tỉnh ý thức cá nhân, cảm thấy bất hoà sâu sắc với thực tại xã hội tù túng

giả dối, ngọt ngào đương thời. Họ khao khát cái tôi được khẳng định và phát triển trong cuộc sống rộng lớn tự do. Nhưng đó cũng là tâm sự chung của người Việt Nam trong cảnh mất nước lúc bấy giờ.

2- Ông đồ:

Câu 1: Gợi ý: Hình ảnh ông đồ hiện lên trong bài thơ trong không gian: “Bên phố” và thời gian : Mỗi năm hoa đào nở, mỗi năm mỗi vắng, năm nay.... Với hai thời kỳ khác nhau: Thời xưa và thời hiện tại. Phân tích để thấy được hình ảnh ông đồ có sự đối lập ở hai thời điểm khác nhau.

Câu 3: Kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ, làm nổi bật chủ đề. Khổ thơ có cái tứ “cảnh cũ người đâu” thường gặp trong thơ xưa, đầy gợi cảm. Sau mấy cái tết ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng không được ai đề ý thì đến năm nay đào lại nở nhưng ông đồ hoàn toàn vắng bóng.

Câu 4: Hai câu thơ cuối là lời tự vấn, là nỗi niềm thương tiếc khắc khoải của nhà thơ trước việc vắng bóng ông đồ xưa.. Nhà thơ băng khuông xót xa nghĩ tới những người muôn năm cũ không bao giờ còn thấy nữa. Câu hỏi không có trả lời, gieo vào lòng người đọc những cảm thương tiếc nuối không dứt.

3- Quê hương:

Bài thơ quê hương là một bức tranh mang vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một làng quê miền biển. Em hãy chứng minh.

4- Khi con tu hú:

Câu 1: Sáng tác vào tháng 7- 1939 tại nhà lao Thừa Phủ- Huế khi tác giả bị bắt giam vào đây chưa lâu. Trước đó ở lứa tuổi 18, TH cảm thấy sung sướng vô biên vì bắt gặp lý tưởng cộng sản, đang tự do say mê hoạt động cách mạng thì bị bắt.

Câu 2: 6 câu thơ đầu mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Nhiều hình ảnh mùa hè được đưa vào bài thơ: tiếng ve ran trong vườn râm, lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, bầu trời cao rộng với cánh diều chao lượn, trái cây đượm ngọt...tiếng chim tu hú đã thức dậy mở ra tất cả và bắt nhịp cho tất cả: mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị, bầu trời khoáng đạt tự do...trong cảm nhận của người tù. Qua đó ta thấy được sức cảm nhận mãnh liệt, tinh tế của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời nhưng đang mất tự do và khao khát tự do đến cháy lòng.

Câu 3: Đó là tâm trạng đau khổ uất ức, ngọt ngào được nhà thơ bộc lộ trực tiếp. Đoạn thơ với cách ngắt nhịp bất thường...dùng những từ ngữ mạnh, từ ngữ cảm thán...

5- Chùm thơ của Hồ Chí Minh:

Câu 2:

-- Sang -> sang trọng, giàu có, cao quý đẹp đẽ ; còn là cảm giác hài lòng, vui thích).

-> Cũng có phần là cách nói khoa trương, khẩu khí, nói cho vui như trong thơ truyền thống. Nhưng niềm vui của Bác là rất thật, chân thành, không hề gượng gạo.

- Niềm vui lớn nhất của Bác không phải chỉ là thú lâm tuyền như người ẩn sĩ xưa mà là niềm vui của người chiến sĩ yêu nước vĩ đại sau 30 năm xa cách nay được trở về sống giữa lòng đất nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng...

Câu 3: Bài học của em từ bài thơ “Đi đường” của Hồ Chí Minh.

Câu 3: - Điệp ngữ "tẩu lộ" khẳng định nỗi gian lao của người đi đường. Giọng thơ suy ngẫm, rút ra qua những trải nghiệm của người tù bị giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác.

- Trùng san chi ngoại hựu trùng san

+ Điệp ngữ "trùng san"; hết lớp núi này lại đến ngay lớp núi khác, khó khăn chông chát liên miên

→ Đường đời, đường CM: gian lao triền miên.

- Hình tượng ý thơ vút lên bất ngờ lan chuyễn mạch thơ: Mọi gian lao đã kết thúc, lùi lại phía

sau khi người đi lên tới đỉnh cao chói. Nỗ lực gian lao không phải là bất tận, càng nhiều gian lao thì thắng lợi càng lớn.

- Từ đỉnh cao, người du khách ung dung say xưa ngắm cảnh đẹp. Đó cũng là niềm vui sướng đặc biệt của người chiến sĩ CM khi đứng trên đỉnh cao thắng lợi.

- Bài thơ thiên về suy nghĩ, triết lí nhưng giọng thơ giống người tâm tình, kể chuyện → giàu sức thuyết phục. Lời thơ cô đọng, bình dị chứa đựng tư tưởng sâu xa.

- Bài thơ có 2 lớp nghĩa: nghĩa đen nói về việc đi đường núi, nghĩa bóng ngụ ý về con đường CM là gian khổ nếu kiên trì nhất định sẽ đạt tới thắng lợi.

6- Chiều dài đô:

Câu 2: ý chí tự cường của một dân tộc đang trên đà lớn mạnh. Dời đô từ Hoa Lư ra vùng đồng bằng chứng tỏ triều đình đủ sức chấm dứt nạn phong kiến cát cứ, thế và lực sánh ngang phương Bắc. Định đô ở Thăng Long là thực hiện nguyện vọng của nhân dân thu giang sơn về một mối, xây dựng đất nước độc lập tự cường.

7- Hịch tướng sỹ:

Câu 2: "Ta thường tới bữa.... ta cũng vui lòng"

-Ta thường: +quên ăn...vỗ gối, Ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa → ẩn dụ, so sánh → Thể hiện sự lo lắng đau xót đến tột độ.

-Căm tức +xả thịt, lột da, Nuốt gan, uống máu → động từ mạnh → lòng căm thù tột độ.

- Dầu cho trăm thân này ... vui lòng. → phóng đại, điển cố → Sẵn sàng hi sinh vì nước, vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan, thịt nát.

→ Giọng văn tha thiết, đanh thép, hùng hồn.

⇒ Lòng yêu nước thiết tha của tác giả.

⇒ Khơi dậy lòng yêu nước và tinh thần xả thân của các tướng sỹ

* Có thể nói đây là đoạn văn đậm chất trữ tình trong bài chính luận. Mỗi chữ mỗi dòng trong đoạn văn như máu chảy như nước mắt. Đó là gan ruột, là tác lòng, là tâm huyết của vị tổng chỉ huy đang bày tỏ tâm sự. Chính tâm sự ấy đã tiếp thêm sức mạnh, hun đúc thêm tinh thần của các tướng sỹ.

8- Nước Đại Việt ta:

Câu 1:- Hai nội dung: Yên dân và điều phạt.

+ Yên dân: là làm cho dân được hưởng thái bình hạnh phúc.

+ Điều phạt: thương dân đánh kẻ có tội.

- Người dân mà tác giả nói tới là người dân Đại Việt đang bị xâm lược, còn kẻ bạo tàn chính là giặc Minh cướp nước.

→ trừ giặc Minh bạo ngược để giữ yên cuộc sống cho dân.

- Nhân nghĩa theo quan niệm trước đó (nho giáo) là quan hệ giữa người với người giờ đây nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống xâm lược, thể hiện trong mối quan hệ giữa dân tộc với dân tộc. Đó là nét mới, là sự phát triển của tư tưởng nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi.

- Đây là cuộc khởi nghĩa chính nghĩa

- Nguyễn Trãi, Lê Lợi là người thương dân, tiên bộ, lấy dân làm gốc, vì dân mà đánh giặc.

Câu 2: - Nhân nghĩa gắn liền với chủ quyền dân tộc, vì có bảo vệ được đất nước thì mới bảo vệ được dân, mới thực hiện được mục đích cao cả là "Yên dân"

- Nền văn hiến lâu đời, có cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng "Núi sông ..."; "phong tục"; "Từ Triệu ..."; "Cửa ..."

→ Nguyễn Trãi đã phát biểu một cách hoàn chỉnh về quốc gia dân tộc.

* đất nước có độc lập, chủ quyền là có nền văn hiến, có lãnh thổ, phong tục, lịch sử, chế độ riêng. Đó là những yếu tố căn bản nhất của một quốc gia, dân tộc.

→ Nguyễn Trãi đã ý thức được văn hiến và truyền thống lịch sử là yếu tố cơ bản nhất, là hạt nhân để xác định dân tộc. Đó là thực tế, tồn tại với chân lí khách quan khi kẻ xâm lược luôn

tìm cách phủ định.

* So với thời Lí, quan niệm về quốc gia, dân tộc của Nguyễn Trãi có sự kế thừa và phát triển cao hơn bởi tính toàn diện và sâu sắc của nó.

9- Bàn luận về phép học:

* Tác giả khẳng định quan điểm và phương pháp đúng đắn trong học tập.

- Tuỳ đâu tiện đấy mà đi học.

+ Học ở trường lớp, ở thầy, ở bạn, ở thực tế cuộc sống "Đi một ngày đàng ... "; "Học thầy ... "

- Theo Chu Tử, học tiểu học để bồi lấy gốc rồi tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử, phải biết luân thường đạo lí: tam cương, ngũ thường.

- Học lấy gốc rồi rồi tuần tự tiến lên, học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm.

+ Truyền thống hiếu học của nhân dân ta "muốn sang ..."; "bán tự vi sư ..."; nội dung học "tiên học lễ ..." học đạo đức trước và tri thức sau.

+ Bác Hồ "người có tài ... vô dụng"

+ Nhà nước ta: chính sách khuyến học, mở nhiều trường lớp, mở rộng thành phần người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người đi học (trường dân lập, bán công, công lập, ...)

- Tác giả xem thường lối học chuộng hình thức, lấy mục đích danh vọng cá nhân là chính; coi trọng lối học lấy mục đích thành người tốt đẹp.

- Đó là thái độ đúng đắn và tích cực, cần phát huy.

10- Thuế máu:

Câu 1: Em hãy hình dung ra số phận bi thảm của những người bị bóc lột "thuế máu" theo trình tự miêu tả của tác giả.

Câu 2:- Tác giả đã vạch trần sự thật bằng những tư liệu phong phú, với tấm lòng của một người yêu nước, 1 người cộng sản, tác giả đã khách quan trong từng sự việc nhưng ta vẫn thấy trong các câu văn ứ trào căm hờn, chứa chan lòng thương cảm → tất cả làm thành mục đích chiến đấu mãnh liệt của văn chương Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

*Lưu ý:

- Học thuộc phần tác giả, tác phẩm các văn bản.

- Ghi nhớ năm sáng tác của tác phẩm.

PHẦN II: TIẾNG VIỆT:

1. CÂU:

TT	Câu	Đặc điểm hình thức	Chức năng	Ví dụ
1	Câu nghi vấn	- Có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu ...hoặc từ hay (nói các về có quan hệ lựa chọn - Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm (?). Ngoài ra còn kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.	- Dùng để hỏi - Ngoài ra còn dùng để đe dọa, yêu cầu, ra lệnh, bộc lộ tình cảm xúc, điều khiển	- Mai cậu có phải đi lao động không? - Cậu chuyên giùm quyền sách này tới H được không?

2	Câu cầu khiến	<ul style="list-style-type: none"> - có từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào... hay ngữ điệu cầu khiến - Kết thúc bằng dấu chấm than - ý cầu khiến không mạnh kết thúc bằng dấu chấm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương. - Ra ngoài!
3	Câu cảm thán	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ôi, biết bao, xiết bao, biết chừng nào... - Kết thúc bằng dấu chấm than 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết) xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?
4	Câu trần thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cảm thán.... - Kết thúc bằng dấu chấm đôi khi kết thúc bằng dấu chấm, hoặc dấu chấm lửng 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để kể, thông báo nhận định, miêu tả.... - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... - Là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trời đang mưa. - Quyển sách đẹp quá! Tớ cảm ơn bạn! Cảm ơn bạn!
5	Câu phủ định	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ ngữ phủ định: Không, chẳng, chả, chưa... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó - > Câu phủ định miêu tả. - Phản bác một ý kiến, một nhận định-> Câu phủ định bác bỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi không đi chơi. - Tôi chưa đi chơi. - Tôi chẳng đi chơi. - Đâu có! Nó là của tôi.

II. HÀNH ĐỘNG NÓI:

Hành động nói	Các kiểu hành động nói	Cách thực hiện hành động nói
<ul style="list-style-type: none"> - Là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm một mục đích nhất định 	<ul style="list-style-type: none"> - Hành động hỏi. - Hành động trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán...) - Hành động điều khiển (cầu khiến, đedọa, thách thức...) - Hành động hứa hẹn. - Hành động bộc lộ cảm xúc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hành động nói trực tiếp: Vd: - Đưa cho tôi cái bút. - thực hiện hành động nói gián tiếp. Vd: Bạn có thể đưa giùm tôi cái bút này cho A được không?

III. HỘI THOẠI:

1. Khái niệm:

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc hội thoại.

- + Quan hệ trên dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội)
- + Quan hệ thân - sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)
- * Khi tham gia hội thoại mỗi người cần xác định đúng vai để chọn cách nói cho phù hợp

2 Lược lời trong hội thoại:

- Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.
- Để giữ lịch sự cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.
- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

IV. LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU:

1. Khái niệm:

Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng

2. Tác dụng:

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật hiện tượng, hoạt động, đặc điểm....
- Nhấn mạnh, hình ảnh, đặc điểm của sự vật hiện tượng.
- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.
- Bảo đảm sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.

PHẦN III: TẬP LÀM VĂN:

A. VĂN THUYẾT MINH:

- Bài văn thuyết minh một phương pháp (cách làm)
- Bài văn thuyết minh về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh

B. VĂN NGHỊ LUẬN:

I. LÍ THUYẾT: Nghị luận về 1 tư tưởng và nghị luận về 1 hiện tượng xã hội (Đã có đề cương)

- Hs : ôn kĩ các nội dung sau
- + Luận điểm
- + Luận cứ
- + Lập luận
- + Cách đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận.

II. CÁC DẠNG ĐỀ ỨNG DỤNG:

Đề 1: Dựa vào các văn bản Chiếu dời đô và Hịch tướng sĩ, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn.

Đề 2: Từ bài Bàn luận về phép học của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa "học" với "hành".

Đề 3: Câu nói của M. Go - rơ - ki: "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống" gợi cho em những suy nghĩ gì?

Đề 4: Tuổi trẻ và tương lai đất nước.

Đề 5: Văn học và tình thương

Đề 6: Hãy nói "không" với các tệ nạn:

Đề 7: Vấn đề thu gom rác thải xử lí rác thải ở địa phương em.

Đề 8: Hãy viết một bài báo tường để khuyên các bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ hơn.

Đề 9: Chứng minh tình yêu thiên nhiên, đất nước của Hồ Chí Minh thông qua bài Cảnh khuya, Tỏ HỮU - Khi con tu hú, Tế Hanh- Quê hương.

Đề 10: Hãy trình bày rõ vì sao chúng ta cần phải đổi mới phương pháp học tập.

Đề 11: Giáo dục là chìa khoá của tương lai.